

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân bổ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh
năm 2022 chuyển sang năm 2023 để thực hiện xây dựng
trụ sở công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Quảng Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của HĐND tỉnh về xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 3371/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch vốn đầu tư ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2057/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của UBND tỉnh về việc chuyển nguồn một số nguồn kinh phí năm 2022 sang năm 2023 để tiếp tục thực hiện;

Theo Công văn số 1980-CV/TU ngày 13/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Công văn số 318/HĐND-VP ngày 27/9/2023 của Thường trực HĐND tỉnh và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 204/TTr-STC ngày 19/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ kinh phí cho các địa phương, tổng số tiền: 51.000.000.000 đồng (Năm mươi một tỷ đồng), từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2022 chuyển sang năm 2023, để hỗ trợ các địa phương thực hiện xây dựng trụ sở công an xã, thị trấn theo Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 29/9/2021, Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của HĐND tỉnh, như sau:

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí để thực hiện theo đúng mục đích, hiệu quả.

2. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh lập thủ tục cấp kinh phí, kiểm soát chi theo quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Công an tỉnh theo dõi, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện các dự án theo đúng tiến độ yêu cầu.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Công an tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, KTN, KTTH, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Quang
Nguyễn Hồng Quang

Phụ lục
PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2023 THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT
XÂY DỰNG TRỤ SỞ CÔNG AN XÃ, THỊ TRẤN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Số trụ sở xã và lộ trình đầu tư trụ sở xã				Cơ cấu nguồn vốn NS tỉnh hỗ trợ	Lũy kế vốn ngân sách tỉnh đã bố trí					Nhu cầu vốn từ nay đến hết năm 2024		Bổ sung kế hoạch vốn năm 2023	KHV 2023 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú	
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2023 bổ sung	Năm 2024		Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:				
								Bố trí đầu năm		Điều chỉnh trong năm			Thanh toán nợ KLHT				Nhu cầu khởi công mới, đẩy nhanh tiến độ
								Năm 2022	Năm 2023	Điều chỉnh giảm KHV 2022 do hụt nguồn SDD	Điều chỉnh bổ sung lại từ nguồn dự phòng năm 2023						
TỔNG SỐ		25	26	61	71		85.000	15.000	70.000	7.176	7.176	309.362	11.550	297.812	51.000	121.000	
1	Thành phố Tam Kỳ	1	1	2	1		-					-			-	-	
2	Thành phố Hội An	1	1	1	2		-					-			-	-	
3	Thị xã Điện Bàn	2	2	2	5	50%	4.920	897	4.023			11.215	-	11.215	1.900	5.923	
4	Huyện Đại Lộc	2	2	4	5	70%	6.889	1.257	5.632	1.257	1.257	25.934	150	25.784	2.000	7.632	
5	Huyện Duy Xuyên	2	2	4	6	50%	6.889	1.257	5.632	1.257	1.257	23.139		23.139	2.000	7.632	
6	Huyện Quế Sơn	2	2	4	3	70%	6.890	1.257	5.633	1.254	1.254	11.079		11.079	1.000	6.633	
7	Huyện Nông Sơn	1	1	1	1	80%	3.937	719	3.218	581	581	4.122	1.100	3.022	2.000	5.218	
8	Huyện Thăng Bình	2	3	4	5	70%	9.708	1.257	8.451	1.257	1.257	14.710		14.710	2.000	10.451	
9	Huyện Núi Thành	2	2	4	11	70%	6.889	1.257	5.632			44.832	5.000	39.832	7.000	12.632	
10	Huyện Phú Ninh	1	1	3	3	70%	3.445	629	2.816	467	467	9.421		9.421	2.800	5.616	
11	Huyện Hiệp Đức	1	1	4	3	80%	3.937	719	3.218			14.355		14.355	700	3.918	

TT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Số trụ sở xã và lộ trình đầu tư trụ sở xã				Cơ cấu nguồn vốn NS tính hỗ trợ	Lũy kế vốn ngân sách tỉnh đã bố trí						Nhu cầu vốn từ nay đến hết năm 2024			Bổ sung kế hoạch vốn năm 2023	KHV 2023 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2023 bổ sung	Năm 2024		Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:					
								Bố trí đầu năm		Điều chỉnh trong năm			Thanh toán nợ KLHT	Nhu cầu khởi công mới, đẩy nhanh tiến độ				
								Năm 2022	Năm 2023	Điều chỉnh giảm KHV 2022 do hụt nguồn SDD	Điều chỉnh bổ sung lại từ nguồn dự phòng năm 2023							
12	Huyện Tiên Phước	2	2	4	5	80%	7.874	1.437	6.437			16.811	16.811	2.500	8.937			
13	Huyện Bắc Trà My	1	1	4	4	80%	3.937	719	3.218			32.490	32.490	5.000	8.218			
14	Huyện Nam Trà My	1	1	5	3	80%	3.937	719	3.218			26.088	2.100	23.988	7.100	10.318		
15	Huyện Phước Sơn	1	1	4	7	80%	3.937	719	3.218			32.700	2.100	30.600	4.000	7.218		
16	Huyện Nam Giang	1	1	4	3	80%	3.937	719	3.218	567	567	15.455	1.100	14.355	3.000	6.218		
17	Huyện Đông Giang	1	1	4	3	80%	3.937	719	3.218	536	536	16.811	16.811	5.000	8.218			
18	Huyện Tây Giang	1	1	3	1	80%	3.937	719	3.218			10.200	10.200	3.000	6.218			